TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHI LỘC** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/DSST
Ngày: 13/11/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN.

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Đức Thúy

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Dũng và ông Lê Quang Hòa.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Đinh Xuân Giáp - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc.

- Đại diện VKSND huyện Nghi Lộc tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên Viện Kiểm sát huyện Nghi Lộc.

Trong các ngày 31/7/2018 và ngày 07/11/2018 đến ngày 13/11/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2018/TLST- DS ngày 04/10/2018 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2018/QĐXXST - DS ngày 19/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Đặng Hữu H1 - sinh năm 1948 - có mặt

Địa chỉ: xóm K, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: ông Mai Sỹ L, Luật sư - Văn phòng Luật sư Quang Lương và cộng sự thuộc đoàn luật sư tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Ông Trần Minh N, sinh năm 1955 và bà Hoàng Thị H2, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Khối A, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An (đều vắng tại phiên tòa).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1, Ông Nguyễn Vinh D, sinh năm 1977.

Địa chỉ: xóm 5, xã Nghi P, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Theo văn bản ủy quyền ngày 02/6/2015 (có mặt).

2, Ông Phạm Thế H3, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khối Vinh Q, phường Hưng B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Theo văn bản ủy quyền ngày 02/6/2015 (vắng mặt).

Người có có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Đặng Thị L, sinh năm 1948.

Địa chỉ: xóm K, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Đặng Hữu H1 trình bày*: Ông Đặng Hữu H1 và vợ chồng Ông Trần Minh N, bà Hoàng Thị H2 có mối quan hệ quen biết hàng xóm với nhau, trong quá trình này chồng Ông Trần Minh N, bà Hoàng Thị H2 có đề nghị ông H1 cho ông N, bà H2 vay tiền để ông N trả lương cho công nhân và các chi phí sản xuất khác. Do tin tưởng nên ông H1 đã cho ông N, bà H2 vay tiền cụ thể.

Lần thứ nhất: Ngày 18/01/2012 ông H1 cho ông N vay số tiền 121.656.000 đồng. Khi vay hai bên có thiết lập giấy vay nợ và cùng ký tên.

Lần thứ hai: Ngày 25/9/2012 ông H1 tiếp tục cho vợ chồng ông N, bà H2 vay số tiền 392.809.000 đồng. Khi vay hai bên có thiết lập giấy vay nợ và cùng ký tên.

Do ông N, bà H2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông H1 như đã thỏa thuận, nên ông H1 yêu cầu tòa án buộc ông N, bà H2 phải trả số nợ gốc của 2 lần vay là 514.465.000 đồng và số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là Ông Trần Minh N và bà Hoàng Thị H2, người đại diện theo ủy quyền của ông N, bà H2 là ông Diện trình bày: Ông H1 là chủ một cơ sở dịch vụ cho vay cầm đồ, ngày 18/01/2012 ông N, bà H2 đến đặt vấn đề vay tiền. Ông H1 là người viết giấy vay tiền và đưa cho vợ chồng ông, bà ký với số tiền vay là 121.656.000 đồng. Khi ký xong, ông H1 yêu cầu ông N và bà H2 cầm cố bìa đỏ nhưng bìa đỏ của vợ chồng ông N đang thế chấp tại ngân nên vợ chồng ông, bà

không vay nữa; ông N bà H2 ra về không nhận tiền của ông H1 đồng nào. Đến ngày 25/9/2012, ông N, bà H2 đến nhà ông H1 để đề nghị được vay tiền; ông H1 viết hợp đồng vay tiền với số tiền vay là 392.809.000 đồng và yêu cầu ông N và bà H2 ký vào. Tuy nhiên sau đó khi thỏa thuận tiền lãi suất thì ông H1 tính cho ông N, bà H2 số tiền lãi là 3.000 đ/1.000.000 đ/ ngày; vì lãi suất quá cao cộng với ông H1 yêu cầu ông N, bà H2 phải có tài sản thế chấp, ông N và bà H2 không đồng ý nên ông H1 cũng không giao tiền. Do sơ suất ông N, bà H2 đã không hủy các giấy vay nợ đã thiết lập với ông H1. Do ông H1 chưa giao tài sản vay cho ông N, bà H2 nên chưa phát sinh nghĩa vụ trả nợ. Ông N, bà H2 không chấp nhận yêu cầu của ông H1.

Người có có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị L trình bày: Bà Lam không được chứng kiến việc ông H1 cho vợ chồng ông N, bà H2 vay tiền, nhưng là người trong nhà bà Lam biết có sự việc là ông N, bà H2 vay tiền của ông H1 vì ông N bà H2 đã nhiều lần đến nhà ông H1 bà Lam vay nợ, khất nợ, khi ông N, bà H2 không trả nợ thì ông H1 chồng bà đã nhiều lần đến nhà ông N, bà H2 để đòi nợ do vậy ông N bà H2 phải trả nợ cho ông H1 chồng bà.

Vụ án tranh chấp này đã được Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc thụ lý lần đầu vào ngày 23 tháng 10 năm 2014. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2015/DSST ngày 21/8/2015, Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An đã tuyên không chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Hữu H1 về việc đòi Ông Trần Minh N và bà Hoàng Thị H2 phải trả tổng số tiền vay cả gốc và lãi suất là 649.840.000 đồng.

Nguyên đơn ông Đặng Hữu H1 kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 03/2016/DSPT ngày 20/01/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã tuyên sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Hữu H1 về việc đòi Ông Trần Minh N và bà Hoàng Thị H2 phải trả tổng số tiền vay gốc là 514.465.000 đồng.

Bị đơn ông N, bà H2 tiếp tục khiếu nại bản án bản án dân sự phúc thẩm số 03/2016/DSPT ngày 20/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Ngày 09/11/2016 Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội ban hành kháng nghị số 51/KNGĐT-

DS kháng nghị bản án số 03/2016/DSPT ngày 20/01/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 49/2017/DS-GĐT ngày 22/05/2017 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã Quyết định:

- Hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 03/2016/DSPT ngày 20/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DSST ngày 21/8/2015, Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thụ lý và giải quyết lại vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc đã thu thập các tài liệu, chứng cứ gồm:

Đơn tố cáo đề ngày 10/11/2014 của Ông Trần Minh N, bà Hoàng Thị H2 tố cáo ông Đặng Huyên Huyên về hành vi cho vay nặng lãi tại Công an huyện Nghi Lộc; CMND mang tên Trần Minh Ngọ, Hoàng Thị Hòa; Giấy vay tiền đề ngày 18/01/2012; Hợp đồng vay tiền đề ngày 25/09/2012 ; Lệnh thanh toán, ngày nhập lệnh 11/03/2013; Biên bản ghi lời khai bà Hoàng Thị H2 ngày 09/01/2015 ; Bản tường trình của bà Hoàng Thị H2 ngày 12/01/2015; Biên bản ghi lời khai Ông Trần Minh N ngày 18/11/2014; Biên bản ghi lời khai Ông Trần Minh N ngày 28/04/2015; Biên bản ghi lời khai ông Đặng Hữu H1 ngày 14/01/2015; Đơn trình bày của ông Đặng Hữu H1 không đề ngày.

Ngày 2/7/2018 Ông Trần Minh N, bà Hoàng Thị H2 yêu cầu trưng cầu giám định đối với giấy vay nợ đề ngày 18/1/2012 với nội dung:

- Số " 2012" dòng chữ viết thứ 22 từ trên xuống, mục "(2) Khoản vay ngày 18.1.2012 là 63.660.000đ" có bị sửa chữa, tẩy xóa hay không? Nếu bị tẩy xóa, sửa chữa thì số nguyên thủy là số nào?

- Số " 2012" dòng chữ viết thứ 23 từ trên xuống, mục "(3) Khoản vay ngày 18.1.2012 là 30.915.000đ" có bị sửa chữa, tẩy xóa hay không? Nếu bị tẩy xóa, sửa chữa thì số nguyên thủy là số nào?

Tại kết luận gám định số 292 ngày 17/10/2018 của Viện khoa học hình sự bộ Công An xác định:

Chữ số hàng đơn vị trong số "2012" dòng chữ viết thứ 22 từ trên xuống, mục "(2) Khoản vay ngày 18.1.2012 là 63.660.000đ" đã bị sửa chữa. Không xác định được số nguyên thủy.

Chữ số hàng đơn vị trong số "2012" dòng chữ viết thứ 23 từ trên xuống, mục "(3) Khoản vay ngày 18.1.2012 là 50.915.000đ" đã bị sửa chữa. Số nguyên thủy là số "1".

Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc đã sao gửi cho các đương sự các các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được nhưng các đương sự không có ý kiến gì đối với các tài liệu, chứng cứ này.

* Tại phiên tòa sơ thẩm; các đương sự đã có các ý kiến về tài liệu, chứng cứ Tòa án sao gửi, cụ thể là:

- Đại diện hợp pháp của bị đơn Ông Trần Minh N, bà Hoàng Thị H2 có ý kiến:

Đối với các tài liệu, chứng cứ là Đơn tố cáo đề ngày 10/11/2014 của Ông Trần Minh N, bà Hoàng Thị H2 tố cáo ông Đặng Hữu H1 về hành vi cho vay nặng lãi tại Công an huyện Nghi Lộc; CMND mang tên Trần Minh Ngọ, Hoàng Thị Hòa; Giấy vay tiền đề ngày 18/01/2012; Hợp đồng vay tiền đề ngày 25/09/2012 ; Lệnh thanh toán, ngày nhập lệnh 11/03/2013; Biên bản ghi lời khai bà Hoàng Thị H2 ngày 09/01/2015 ; Bản tường trình của bà Hoàng Thị H2 ngày 12/01/2015; Biên bản ghi lời khai Ông Trần Minh N ngày 18/11/2014; Biên bản ghi lời khai Ông Trần Minh N ngày 28/04/2015; Biên bản ghi lời khai ông Đặng Hữu H1 ngày 14/01/2015; Đơn trình bày của ông Đặng Hữu H1 không đề ngày. Các tài liệu chứng cứ này không liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Hữu H1.

Đối với tài liệu, chứng cứ là kết luận giám định số 292 ngày 17/10/2018 của Viện khoa học hình sự bộ Công An xác định. Chữ số hàng đơn vị trong số "2012" dòng chữ viết thứ 22 từ trên xuống, mục "(2) Khoản vay ngày 18.1.2012 là 63.660.000đ" đã bị sửa chữa. Không xác định được số nguyên thủy. Chữ số hàng

đơn vị trong số "2012" dòng chữ viết thứ 23 từ trên xuống, mục "(3) Khoản vay ngày 18.1.2012 là 50.915.000đ" đã bị sửa chữa. Số nguyên thủy là số "1". Ông H1 thừa nhận nội dung kết luận giám định là đúng, giấy vay nợ đề ngày 18/1/2012 đối với khoản vay 63.660.000đ và khoản vay 30.915.000đ " có bị sửa chữa. Việc sửa chữa chữa này làm cho không thể xác định được thời điểm thiết lập món vay, giá trị pháp lý của giấy vay tiền.

- Nguyên đơn ông Đặng Hữu H1 có ý kiến:

Đối với các tài liệu, chứng cứ là đơn tố cáo đề ngày 10/11/2014 của Ông Trần Minh N, bà Hoàng Thị H2 tố cáo ông Đặng Hữu H1 về hành vi cho vay nặng lãi tại Công an huyện Nghi Lộc; Biên bản ghi lời khai bà Hoàng Thị H2 ngày 09/01/2015; Bản tường trình của bà Hoàng Thị H2 ngày 12/01/2015; Biên bản ghi lời khai Ông Trần Minh N ngày 18/11/2014; Biên bản ghi lời khai Ông Trần Minh N ngày 28/04/2015 đã chứng minh được nội dung trình bày của ông N, bà H2 là viết giấy vay nhưng chưa lấy tiền là hoàn toàn sai sự thực. Nội dung này thể hiện ông N, bà H2 đã nhận tiền vay nhưng quanh co nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Đối với tài liệu, chứng cứ là kết luận gám định số 292 ngày 17/10/2018 của Viện khoa học hình sự bộ Công An xác định. Chữ số hàng đơn vị trong số "2012" dòng chữ viết thứ 22 từ trên xuống, mục "(2) Khoản vay ngày 18.1.2012 là 63.660.000đ" đã bị sửa chữa. Không xác định được số nguyên thủy. Chữ số hàng đơn vị trong số "2012" dòng chữ viết thứ 23 từ trên xuống, mục "(3) Khoản vay ngày 18.1.2012 là 50.915.000đ" đã bị sửa chữa. Số nguyên thủy là số "1". Ông H1 thừa nhận nội dung kết luận giám định là đúng, giấy vay nợ đề ngày 18/1/2012 đối với khoản vay 63.660.000đ và khoản vay 30.915.000đ " có bị sửa chữa. Việc sửa chữa đó là do ông H1 thực hiện, nguyên nhân của việc sửa chữa con số 1 thành con số 2 của hai món vay này là ông H1 viết nhầm năm dương lịch 2011 mới qua năm 2012 vì mới đầu năm nên dễ nhầm lẫn, theo ông H1 việc sửa chữa này không làm thay đổi bản chất sự việc và nội dung giấy vay tiền này vì các con số khác không sửa chữa, tổng số tiền vay không sửa chữa, tổng số tiền vay còn được viết lại bằng chữ.

Cũng theo nguyên đơn số tiền vay trong các lần vay là do nguyên đơn chuẩn bị được từng nào thì cho bị đơn vay hết từng đó, pháp luật không cấm việc cho vay số lẻ. Việc số nợ có số tiền lẻ là do như vậy không phải là khoản nợ tính lãi rồi cộng dồn chuyển thành nợ gốc rồi biên nhận bằng giấy vay nợ.

*** Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu quan điểm:**

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị buộc Ông Trần Minh N và bà Hoàng Thị H2 phải trả nợ cho ông Đặng Hữu H1 số tiền gốc là 514.465.000 đồng và khoản tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng vay tài sản đề ngày 18/01/2012 là hợp đồng vay không có thời hạn; Hợp đồng vay tài sản đề ngày 25/9/2012 thể hiện thời hạn trả nợ là ngày 25/10/2012. Căn cứ vào Bộ luật dân sự năm 2005, thời hiệu khởi kiện đối với 2 Hợp đồng này đang còn.

[2]. Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn ông Đặng Hữu H1 yêu cầu tòa án buộc vợ chồng Ông Trần Minh N, bà Hoàng Thị H2 phải trả số nợ gốc của 2 lần vay là 514.465.000 đồng và số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Ông Trần Minh N, bà Hoàng Thị H2 thừa nhận ngày 18/01/2012 và ngày 25/9/2012 có thiết lập giấy vay nợ đối với ông Đặng Hữu H1 nhưng ông H1 chưa giao tiền cho ông N bà H2. Do sơ suất ông N, bà H2 đã không hủy các giấy vay nợ đã thiết lập với ông H1. Do ông H1 chưa giao tài sản vay cho ông N, bà H2 nên chưa phát sinh nghĩa vụ trả nợ nên vợ chồng ông N, bà H2 không chấp nhận yêu cầu của ông H1.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng để xem xét, giải quyết triệt để các yêu cầu của các bên đương sự thì cần phải xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ nhằm chứng minh giá trị pháp lý, cũng như quá trình thực hiện giao dịch vay tài sản giữa ông Đặng Hữu H1 và vợ chồng Ông Trần Minh N, bà Hoàng Thị H2 qua đó để giải quyết yêu cầu của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Đối với "hợp đồng vay tiền" ngày 25/9/2012 phản ánh nội dung: Ông Trần Minh N và vợ Hoàng Thị Hòa có vay ông H1 D.V.C.D (Dịch vụ cầm đồ) xóm Kim Liên, thị trấn Quán Hành, Nghi Lộc, Nghệ An số tiền vay để tái sản xuất và trả lương công nhân, với số tiền là 392.809.000 đồng, với lãi suất ban đầu thỏa thuận 3000 đ/1 triệu/1 ngày. Hẹn đến ngày 25/10/2012 sẽ thanh toán cả gốc lẫn lãi, ông N, bà H2 cùng ký tên tại hợp đồng vay. Qua nội dung, hình thức của "hợp đồng vay tiền" ngày 25/9/2012 thể hiện đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có thỏa thuận về lãi suất. Các bên đương sự đều thừa nhận nội dung đã được thiết lập là đúng thực tế, hiện tại nguyên đơn, bị đơn đang tranh chấp về việc thực hiện hợp đồng, bị đơn cho rằng hợp đồng vay tài sản đã được thiết lập nhưng phía nguyên đơn chưa giao tiền vay cho phía bị đơn theo quy định tại khoản 1 điều 473 Bộ luật dân sự 2005 do vậy chưa phát sinh nghĩa vụ trả nợ đối với bị đơn. Nguyên đơn cho rằng hợp đồng vay tài sản đã được thực hiện, hiện tại bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tài sản theo thỏa thuận. Như vậy mấu chốt vấn đề cần xác định là bên cho vay đã giao tài sản cho bên vay hay chưa. Về nội dung này Hội đồng xét xử thấy rằng trong thói quen sinh hoạt, giao dịch diễn ra trong thực tế đời sống của người dân trên địa bàn và các tài liệu chứng cứ thu thập được, như đơn tố cáo đề ngày 10/11/2014 của Ông Trần Minh N, bà Hoàng Thị H2 tố cáo ông Đặng Huyên Huyên về hành vi cho vay

nặng lãi tại Công an huyện Nghi Lộc; Biên bản ghi lời khai bà Hoàng Thị H2 ngày 09/01/2015; Bản tường trình của bà Hoàng Thị H2 ngày 12/01/2015; Biên bản ghi lời khai Ông Trần Minh N ngày 18/11/2014; Biên bản ghi lời khai Ông Trần Minh N ngày 28/04/2015 đã thể hiện nội dung liên quan đến khoản vay ngày 25/9/2012 và số tiền vay là 392.809.000 đồng giữa người vay là Ông Trần Minh N và vợ Hoàng Thị Hòa và người cho vay là ông Đặng Hữu H1. Như vậy có đủ căn cứ khẳng định hai bên đã thực hiện giao dịch này trong thực tế, do đó quyền, nghĩa vụ của các bên đã phát sinh. Việc nguyên đơn ông Đặng Hữu H1 yêu cầu Ông Trần Minh N và vợ Hoàng Thị H2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay ngày 25/9/2012 với số tiền vay là 392.809.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận khoản yêu cầu này của nguyên đơn.

Xét yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng là có căn cứ nên buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc đối với khoản vay ngày 25/9/2012 với số tiền vay là 392.809.000 đồng cho nguyên đơn.

Xét yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng "hợp đồng vay tiền" ngày 25/9/2012 thể hiện đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có thỏa thuận về lãi suất. Lãi suất các bên thỏa thuận trong "hợp đồng vay tiền" ngày 25/9/2012 là 3.000 đ/1.000.000 đ/ ngày. Khoản thỏa thuận lãi suất này do các bên thoả thuận nhưng đã vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng. Hiện tại nguyên đơn, bị đơn đang tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ gốc và trả nợ lãi do vậy trong trường hợp này các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Về lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố từ thời điểm tháng 9 năm 2012 đến nay đã có các lần điều chỉnh nhưng các lần điều chỉnh đó không thấp hơn 8% năm. Do vậy về yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn cần chấp nhận mức lãi suất là 8%/ năm. Thời gian tính lãi từ ngày 25/9/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/11/2018 là 06 năm 01 tháng 13 ngày.

Như vậy cần buộc Ông Trần Minh N và vợ Hoàng Thị H2 phải liên đới trả cho ông Đặng Hữu H1 tổng số tiền vay ngày 25/9/2012 là 586.071.000đồng (năm trăm tám mươi sáu triệu không trăm bảy mốt ngàn đồng) trong đó nợ gốc là 392.809.000 đồng, nợ lãi là 193.262.000 đồng.

Đối với giấy vay tiền ngày 18/01/2012 phản ánh: Ông Trần Minh N và vợ Hoàng Thị H2 có vay ông H1 xóm Kim Liên, thị trấn Quán Hành, Nghi Lộc, Nghệ An số tiền vay để trả lương công nhân gồm có 3 khoản.

(1) khoản vay ngày 18/01/2012 là 27.081.000 đồng

(2) Khoản vay ngày 18/01/2012 là 63.660.000 đồng

(3) Khoản vay ngày 18/01/2012 là 30.915.000 đồng

Tổng số tiền vay cả 3 khoản vay là 121.656.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng hình thức của "giấy vay tiền" ngày 18/01/2012 thể hiện cùng một ngày có ba khoản vay khác nhau, nhưng hiện tại theo kết kết luận gám định số 292 ngày 17/10/2018 của Viện khoa học hình sự bộ Công An xác định. Chữ số hàng đơn vị trong số "2012" dòng chữ viết thứ 22 từ trên xuống, mục "(2) Khoản vay ngày 18.1.2012 là 63.660.000đ" đã bị sửa chữa. Không xác định được số nguyên thủy; Chữ số hàng đơn vị trong số "2012" dòng chữ viết thứ 23 từ trên xuống, mục "(3) Khoản vay ngày 18.1.2012 là 50.915.000đ" đã bị sửa chữa. Số nguyên thủy là số "1". Việc sửa chữa, tẩy xóa này dẫn đến không thể xác định được thời điểm thiết lập giấy vay nợ, làm cho giá trị pháp lý của giao dịch không đảm bảo, ngoài ra không có thêm tài liệu, chứng cứ nào chứng minh hai bên đã thực hiện giao dịch này trong thực tế, do vậy không có căn cứ để chấp nhận khoản yêu cầu này của nguyên đơn.

Về án phí: Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận một phần và nguyên đơn là người cao tuổi nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.150.000 đồng, tạm ứng dân sự phúc thẩm đã nộp là 200.000 đồng.

Bị đơn Ông Trần Minh N và bà Hoàng Thị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông N, và bà H2 thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các điều 169, 471,472, 473, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điêu 26, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Ông Trần Minh N và bà Hoàng Thị H2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đặng Hữu H1 tổng số tiền vay ngày 25/9/2012 là 586.071.000đồng (năm trăm tám mươi sáu triệu không trăm bảy mốt ngàn đồng). Trong đó nợ gốc là 392.809.000 đồng, nợ lãi là 193.262.000đồng. Chia kỷ phần Ông Trần Minh N phải trả 293.835.500đồng. Bà Hoàng Thị H2 phải trả 293.835.500đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án dân sự, nếu không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Trả lại cho ông Đặng Hữu H1 số tiền 5.150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004946 ngày 23/10/2014 và 200.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0005050 ngày 07/10/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc.

- Ông Trần Minh N và bà Hoàng Thị H2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của bị đơn; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nghi Lộc;
- Chi cục THADS Nghi Lộc;
- Lưu hồ sơ.

Vũ Đức Thúy